

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2018

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Mai Văn Thanh

2/ Đào Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017, về việc: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trà Thị Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trà Thị Hồng N trình bày: Chị và anh V cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào năm 2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất với nhau trong chuyện kinh tế gia đình, chồng chị gia trưởng không nghe lời bàn bạc của chị, dẫn đến làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn, chồng sa vào tệ nạn bài bạc, số đề. Anh chị ly thân cách

nay 7 – 8 tháng, xét thấy không thể sống chung được nữa. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 10/02/2007, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Anh Nguyễn Xuân V được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng khác:

+Về tố tụng: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Xuân V chưa chấp hành nghiêm quy định như vắng mặt phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

+Về nội dung: Chị N và anh V cưới nhau năm 2005, đăng ký kết hôn ngày 18/7/2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất với nhau trong chuyện kinh tế gia đình, chồng chị gia trưởng, dẫn đến làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh V sa vào tệ nạn bài bạc, số đề. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng sống không có hạnh phúc nữa, nên chị xin ly hôn. Anh V mặc dù được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

+Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con Nguyễn Trọng Q, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng của Trọng Q và điều kiện nuôi con của chị N là có căn cứ chấp nhận.

Đề xuất hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh V, chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham dự phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[3]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V được xác lập trên cơ sở mai mối, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày cuộc sống hôn nhân của chị và anh V không còn hạnh phúc, do vợ chồng không thống nhất với nhau trong chuyện kinh tế gia đình, chồng chị gia trưởng, không nghe lời bàn bạc của chị, dẫn đến làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh V sa vào tệ nạn bài bạc, số đề. Tại phiên tòa hôm nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh V nữa, có sống chung cũng không mang lại kết quả tốt, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Mặc khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập hợp lệ cho anh V nhưng anh vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện sự không trách nhiệm của anh V đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ bởi lẽ: Chị là người đang nuôi dạy con, chị làm lò bánh mì thu nhập ổn định, có điều kiện về thời gian, lo cho Trọng Q học hành đàng hoàng, đảm bảo sức khỏe tốt. Mặc khác, theo nguyện vọng của Trọng Q được sống với mẹ, xét về quyền lợi mọi mặt của con nên chấp nhận giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trà Thị Hồng N.

Cho chị Trà Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Cho chị Trà Thị Hồng N được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 10/02/2007, chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Chị N, anh V có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh V được quyền thăm con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Trà Thị Hồng N nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01522 ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi anh Vĩnh cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Dương sự;
- UBND thị trấn Mỹ An.
- Lưu hồ sơ (Oanh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh